

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)

Lợi nhuận 2Q24 vượt kỳ vọng

- Doanh thu cá tra tăng +8.7% n/n và +17.8% q/q
- Biên LN gộp đạt 14.4% (-6.8% n/n/ +5.1% q/q)
- Duy trì khuyến nghị MUA cho VHC

Biên LN gộp mở rộng trong 2Q24

Trong 2Q24, VHC công bố doanh thu ghi nhận 3,196 tỷ đồng (+17.3% n/n/ +11.9% q/q), tất cả các mảng kinh doanh đều phục hồi trong 2Q24 (Hình 1, 2). Cụ thể:

- Mảng cá tra:** Ghi nhận 1,724 tỷ đồng (Tăng +8.7% n/n/ +17.8% q/q):
 - Sản lượng xuất khẩu:** Theo ước tính của chúng tôi, sản lượng xuất khẩu cá tra của VHC đạt 25.5 triệu tấn (+34.4% n/n/ +16.4% q/q). Chúng tôi nhận thấy sự phục hồi rõ rệt về sản lượng xuất khẩu đến các thị trường trọng điểm, bao gồm: Mỹ: +33.8% n/n; EU: +31.5% n/n, và Trung Quốc: +76.1% n/n. Điều này cho thấy sức cầu tiêu dùng đang trên đà phục hồi tốt.
 - Giá bán:** Trong khi đó, giá bán cá tra của VHC có sự phân hóa, thị trường Mỹ đang phục hồi, trong khi thị trường EU và Trung Quốc vẫn còn ảm đạm. Giá bán của VHC đạt 2.8 USD/kg (-21% n/n/ +3.9% q/q)
- Các mảng khác:** Chúng tôi nhận thấy sự phục hồi đến từ tất cả các mảng khác, với mức tăng trưởng ấn tượng và đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của VHC (633 tỷ đồng, tăng +82.9% n/n), nhờ nhu cầu đối với bột cá và dầu cá tăng cao, cùng với sự đóng góp một phần từ công ty Thành Ngọc Foods.

Biên LN gộp 2Q24 đạt 14.4% (giảm -6.8đpt n/n) do giá bán thấp hơn so với giá bán trong 2Q23. Tuy nhiên, biên LN gộp đã cải thiện so với 1Q24, tăng +5.1đpt q/q. Chúng tôi cho rằng biên LN gộp cải thiện nhờ:

- Giá bán cá tra phục hồi nhẹ cùng với chi phí đầu vào thấp. Chúng tôi ước tính, giá nguyên liệu trên mỗi kg cá tra thành phẩm giảm -10% n/n. Những yếu tố này đã mở rộng biên LN gộp của VHC (Hình 5);
- VHC đã ghi nhận hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (67 tỷ đồng) trong 2Q24 (Hình 6)

Bảng 1. KQKD của VHC trong 2Q24

| | 2Q23 | 3Q23 | 4Q23 | 1Q24 | 2Q24 | q/q | n/n |
|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|------|--------|
| Doanh thu | 2,724 | 2,698 | 2,396 | 2,586 | 3,196 | 11.9 | 17.3 |
| LNHH | 515 | 221 | 84 | 207 | 381 | 83.9 | (26) |
| Biên LNHH | 18.9 | 8.2 | 3.5 | 7.3 | 11.9 | 4.6 | (11.6) |
| LNTT | 521 | 229 | 99 | 217 | 393 | 81.4 | (24.5) |
| LNST | 439 | 191 | 48 | 170 | 314 | 85.1 | (28.5) |

Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

Đánh giá **MUA (Duy trì)**

GMT **VND85,500**

Lợi nhuận +24.8%

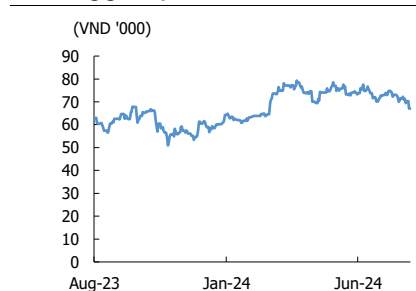
Thông kê

| | |
|-------------------------------|---------------|
| VNIndex (07/08, điểm) | 1,210 |
| Giá cp (07/08, đồng) | 68,500 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 15,375 |
| SLCP lưu hành (triệu) | 224 |
| Cao/ Thấp 52 tuần (đồng) | 79,300/50,926 |
| GTGD TB 6T (tỷ đồng) | 75 |
| Tỷ lệ CP tự do/ Sở hữu NN (%) | 49.8/29.8 |
| Cổ đông lớn (%) | |
| Truong Thi Le Khanh | 43.2 |
| Mitsubishi Corp | 6.4 |
| Dragon Capital | 6.8 |

Biến động giá cổ phiếu

| | 1T | 6T | 12T |
|------------------------|-------|-----|-----|
| Tuyệt đối (%) | (8.2) | 5.3 | 8.2 |
| Tương đối với VNI (%p) | (0.9) | 4.1 | 9.2 |

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Chi phí QLBH/doanh thu 2Q24 đạt 4.4%, tăng nhẹ +0.02đpct n/n gần như tương đương với 1Q24. Điều này cho thấy VHC không bị ảnh hưởng bởi chi phí vận chuyển cao trong 2Q24. LNST-CTM ghi nhận đạt 314 tỷ đồng, tuy giảm -28.5% n/n nhưng tăng mạnh so với q/q (+85% q/q). Đây là một tín hiệu tích cực cho thấy lợi nhuận đang dần cải thiện theo quý.

VHC đã hoàn thành lần lượt 50% và 46% dự phóng về doanh thu và LNST-CTM của chúng tôi.

Ưu & nhược điểm: Kết quả kinh doanh dự kiến sẽ phục hồi trong 3Q24F

Trong 3Q24F, chúng tôi ước tính doanh thu VHC sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt, nhờ vào:

- **Măng cá tra:** Như đã thảo luận trong báo cáo “[Triển vọng ngành thủy sản 2Q24F](#)”, sản lượng xuất khẩu có thể được thúc đẩy nhờ vào (1) Cá tra hưởng lợi từ sự thiếu hụt cá rô phi tại thị trường Mỹ, và (2) Sức cầu tiêu dùng có khả năng quan trọng hơn tại các thị trường trọng điểm.
- **Sản phẩm Collagen & Gelatin:** Sự đóng góp từ công suất mới và sức cầu tiêu thụ tăng trở lại ở các kênh dịch vụ ăn uống và chăm sóc sức khỏe có thể thúc đẩy tăng trưởng doanh thu.
- **Bột cá & dầu cá:** Chúng tôi cho rằng đà tăng trưởng có thể duy trì trong 3Q24F nhờ vào nhu cầu sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng cao, từ đó có thể đẩy mạnh sản lượng bán hàng của các sản phẩm này.

Xu hướng biên LN gộp của VHC trong 3Q24F có thể cải thiện nhờ vào:

- **Giá bán cá tra** có thể tăng trong 3Q24F, trong đó thị trường Mỹ vẫn đóng vai trò dẫn dắt chính. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá rằng giá bán sẽ không tăng quá mạnh, vì VHC đang ưu tiên chiến lược giá bán hợp lý để giành thị phần.
- **Giá nguyên liệu đầu vào** có thể giữ mức ổn định, do đó giảm thiểu rủi ro biên LN gộp bị thu hẹp.

Chi phí QLBH/doanh thu 3Q24F dự kiến sẽ ổn định. Chúng tôi kỳ vọng rằng chi phí vận chuyển không phải là vấn đề quá lớn đối với VHC do sức cầu tiêu dùng đã phục hồi tại các thị trường trọng điểm như Mỹ, cho phép VHC dễ dàng đàm phán hình thức vận chuyển FOB (người mua chịu chi phí vận chuyển).

Dựa trên những cơ sở trên, chúng tôi kỳ vọng LNST của VHC sẽ tăng trưởng tích cực trong 3Q24F. Cần lưu ý rằng 3Q23 của VHC có mức nền thấp, vì vậy dự phóng tăng trưởng 3Q24F sẽ cao so với n/n.

Hành động: Duy trì khuyến nghị MUA đối với VHC

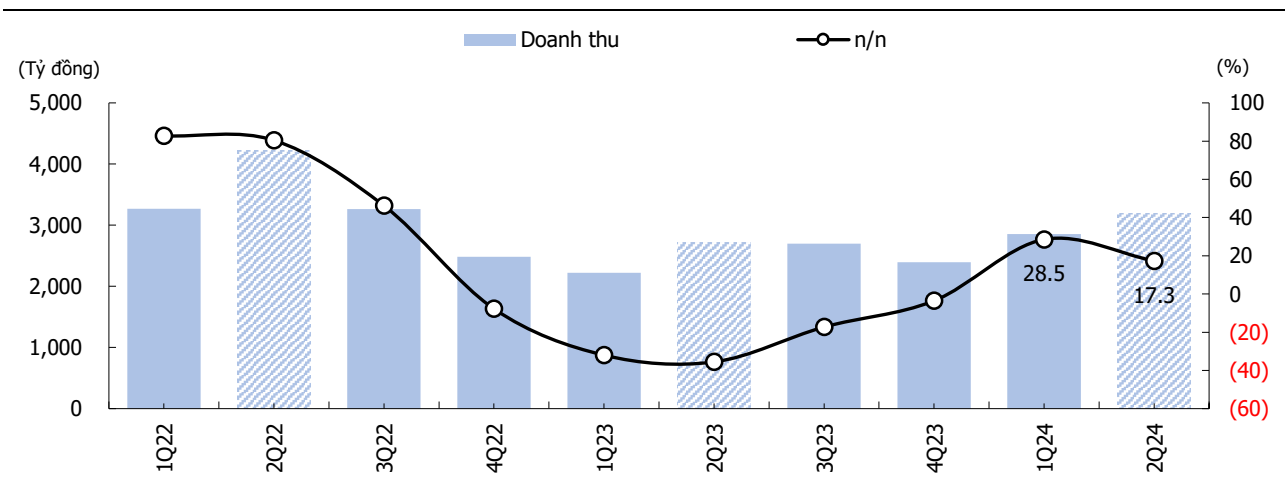
Theo dự báo của chúng tôi, triển vọng của cá tra có thể cải thiện rõ rệt từ 3Q24F trở đi. Do đó, chúng tôi vẫn kỳ vọng kết quả kinh doanh của VHC sẽ phục hồi trong nửa cuối năm 2024 và kỳ vọng chu kỳ tăng trưởng trong ngành cá tra giai đoạn 2025F-26F. Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA cho VHC trong trung và dài hạn, với giá mục tiêu là 85,500 đồng/cổ phiếu.

Tuy nhiên, *trong ngắn hạn*, chúng tôi cho rằng chưa nhận thấy có những chất xúc tác mới để thúc đẩy giá bán cá tra tăng mạnh. Điều kiện dễ lạc quan hơn về câu chuyện tăng trưởng. Vì vậy, trong ngắn hạn giá thị trường có thể chưa có nhiều động lực sự thay đổi đáng kể.

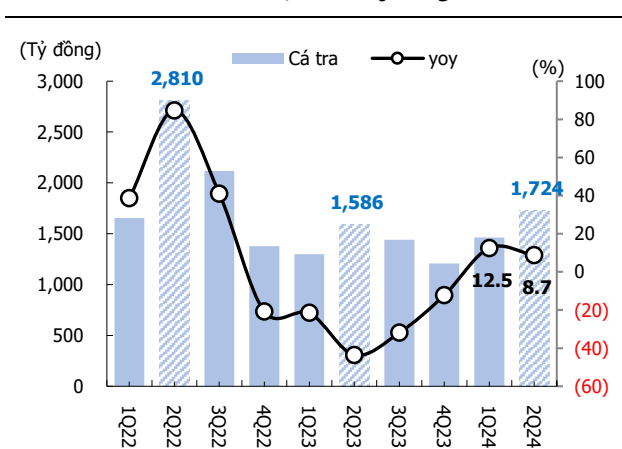
Hình 1. Tăng trưởng các sản phẩm chính và các thị trường trọng điểm của VHC trong 2Q24

| | | 2Q23 | 1Q24 | 2Q24 | n/n | q/q |
|-----------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|--------|
| Sản phẩm | Cá tra | 1,586 | 1,463 | 1,724 | 8.7 | 17.8 |
| | SP phụ | 429 | 448 | 449 | 4.7 | 0.2 |
| | Thực phẩm chức năng | 169 | 238 | 219 | 29.6 | (8.0) |
| | Giá trị gia tăng | 28 | 32 | 38 | 35.7 | 18.8 |
| | Khác | 346 | 470 | 633 | 82.9 | 34.7 |
| | Sản phẩm từ gạo | 45 | 66 | 100 | 122.2 | 51.5 |
| | Bánh phồng tôm | 63 | 93 | 89 | 41.3 | (4.3) |
| Quốc gia | Mỹ | 927 | 723 | 1,049 | 13.2 | 45.1 |
| | EU | 405 | 553 | 537 | 32.6 | (2.9) |
| | TQ | 324 | 339 | 300 | (7.4) | (11.5) |
| | Việt Nam | 694 | 807 | 927 | 33.6 | 14.9 |
| | Khác | 319 | 389 | 439 | 37.6 | 12.9 |

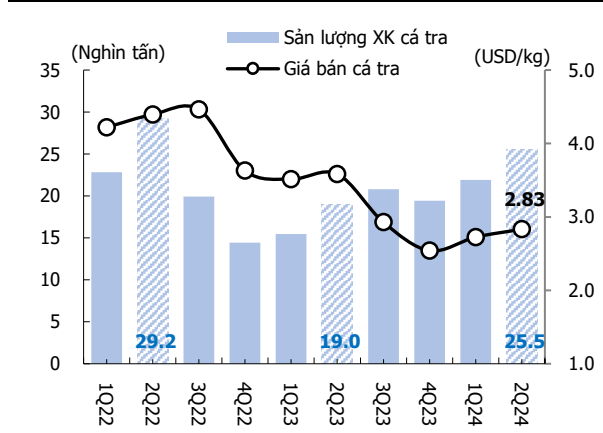
Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

Hình 2. Tổng doanh thu tăng vọt +17.3% n/n, đạt 3,196 tỷ đồng, đến từ tăng trưởng chung ở tất cả các mảng

Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

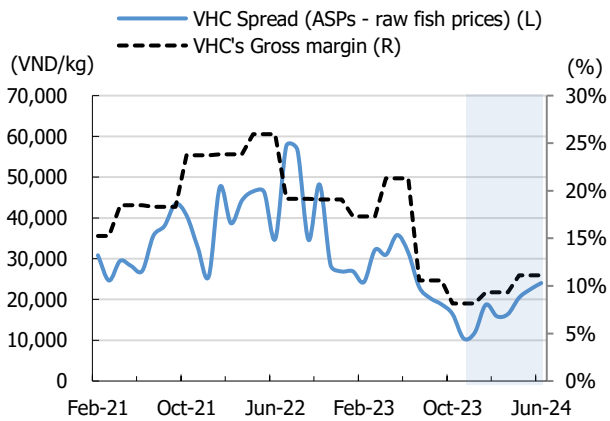
Hình 3. Doanh thu cá tra đạt 1,724 tỷ đồng (+8.7% n/n)

Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

Hình 4... Nhờ vào sản lượng xuất khẩu tăng mạnh 34% n/n, trong khi giá bán tăng nhẹ q/q

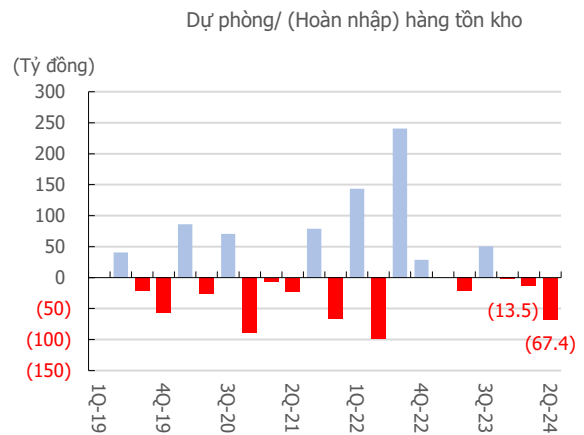
Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

Hình 5. Biên LN gộp của VHC tăng nhẹ nhờ chênh lệch lớn hơn giữa giá bán và chi phí đầu vào



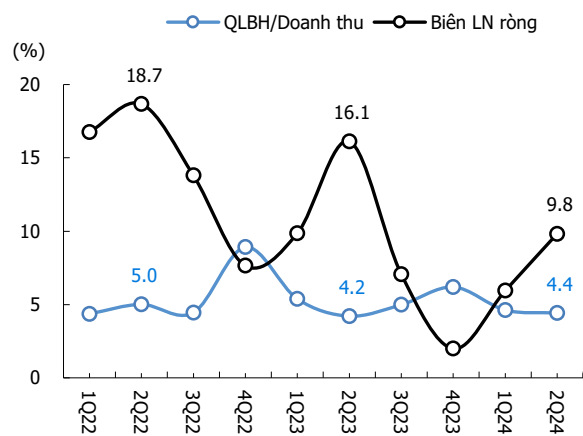
Nguồn: Dữ liệu công ty, Agromonitor, KISVN ước tính
*ghi chú: VHC spread = giá bán cá tra – giá cá tra nguyên liệu
Và chúng tôi bỏ qua khoản dự phòng hàng tồn kho 67 tỷ đồng khi tính biên LN gộp

Hình 6... Cùng với việc ghi nhận hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho trong 2Q24, do đó cải thiện biên LN cao hơn



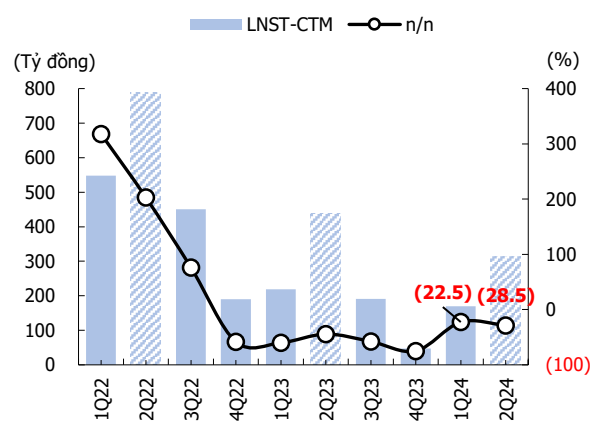
Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

Hình 7. Chi phí QL BH/ doanh thu duy trì ổn định và Biên LN ròng đã có dấu hiệu chậm đậy.



Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

Hình 8. LN ST ghi nhận tăng trưởng âm so với n/n, nhưng tăng so với q/q



Nguồn: Dữ liệu công ty, KISVN

■ Tổng quan công ty

CTCP Vĩnh Hoàn được thành lập từ năm 1997 tại Tỉnh Đồng Tháp. Công ty chuyên về nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm liên quan đến cá tra, các sản phẩm Collagen & Gelatin. Từ năm 2010, VHC đã trở thành công ty dẫn đầu trong ngành cá tra, chiếm 14% thị phần. Các sản phẩm của VHC đã có mặt tại các chuỗi bán lẻ nổi tiếng và được phân phối đến các công ty dịch vụ thực phẩm hàng đầu trên toàn cầu.

Bảng cân đối kế toán

(VND bn)

| Cuối T12 năm tài chính | 2020A | 2021A | 2022A | 2023A | 2024F |
|-------------------------------|--------------|--------------|---------------|---------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn (điều chỉnh) | 4,726 | 5,542 | 7,640 | 7,888 | 7,997 |
| Tiền và tương đương tiền | 41 | 195 | 553 | 233 | 600 |
| Accounts & other receivables | 1,699 | 2,134 | 2,330 | 1,578 | 2,395 |
| Inventory | 1,498 | 1,790 | 2,818 | 3,763 | 2,636 |
| Tài sản dài hạn (điều chỉnh) | 4,686 | 5,347 | 7,087 | 7,655 | 7,396 |
| Tài sản cố định | 1,808 | 2,070 | 2,824 | 3,383 | 3,326 |
| Đầu tư tài chính | 62 | 66 | 66 | 67 | 67 |
| Khác | 595 | 1,057 | 1,053 | 604 | 810 |
| Tổng tài sản | 7,192 | 8,734 | 11,583 | 11,943 | 12,200 |
| Người mua trả trước | 36 | 36 | 23 | 16 | 20 |
| Doanh thu chưa thực hiện | - | - | - | - | - |
| Phải trả người bán | 326 | 337 | 448 | 309 | 420 |
| Khác | 477 | 571 | 1,014 | 750 | 907 |
| Nợ ngắn hạn và TP đến hạn | 1,106 | 1,723 | 2,214 | 2,157 | 1,534 |
| Nợ và TP dài hạn | 69 | 168 | 175 | 102 | 67 |
| Tổng nợ và phải trả | 2,031 | 2,852 | 3,889 | 3,351 | 2,968 |
| VCSH | 5,157 | 5,777 | 7,523 | 8,348 | 8,921 |
| Vốn điều lệ | 1,834 | 1,834 | 1,834 | 1,870 | 1,870 |
| Thặng dư | 224 | 224 | 264 | 264 | 264 |
| Quý khác | (114) | (114) | 0 | 0 | 0 |
| LN giữ lại | 3,214 | 3,833 | 5,426 | 6,213 | 6,787 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 4 | 105 | 171 | 244 | 311 |
| Tổng VCSH | 5,161 | 5,882 | 7,694 | 8,591 | 9,232 |

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(VND bn)

| Cuối T12 năm tài chính | 2020A | 2021A | 2022A | 2023A | 2024F |
|------------------------|-------|-------|---------|-------|---------|
| Dòng tiền hoạt động | 433 | 632 | 1,604 | 547 | 1,843 |
| LN ròng | 803 | 1,280 | 2,323 | 1,145 | 1,377 |
| Khấu hao và khấu trừ | 201 | 285 | 327 | 402 | 398 |
| Tăng vốn lưu động ròng | 938 | 1,468 | 3,064 | 1,502 | 1,688 |
| Dòng tiền đầu tư | (311) | (856) | (1,528) | (793) | (371) |
| Tài sản cố định | (604) | (605) | (1,122) | (672) | (558) |
| Tăng đầu tư tài chính | 293 | (251) | (407) | (121) | 187 |
| Dòng tiền tài chính | (55) | 370 | 284 | (73) | (1,219) |
| Tăng vốn chủ | - | 63 | 154 | 57 | - |
| Tăng nợ | - | - | - | (129) | (623) |
| Chi trả cổ tức | (364) | (359) | (367) | - | (560) |
| Dòng tiền khác | (0.0) | 0.4 | (2) | (2) | - |
| Tăng tiền mặt | 67 | 146 | 358 | (320) | 254 |

Kết quả kinh doanh

(VND bn)

| Cuối T12 năm tài chính | 2020A | 2021A | 2022A | 2023A | 2024F |
|-------------------------|-------|-------|--------|--------|--------|
| Doanh thu | 7,037 | 9,054 | 13,231 | 10,033 | 12,129 |
| Giá vốn hàng bán | 6,022 | 7,298 | 10,255 | 8,540 | 10,271 |
| Lợi nhuận gộp | 1,015 | 1,756 | 2,976 | 1,493 | 1,858 |
| Chi phí bán hàng & QLDN | 319 | 557 | 721 | 524 | 569 |
| LN hoạt động | 695 | 1,199 | 2,254 | 969 | 1,289 |
| Doanh thu tài chính | 227 | 195 | 434 | 377 | 431 |
| Thu nhập lãi | - | 69 | 81 | 117 | 125 |
| Chi phí tài chính | 101 | 107 | 370 | 229 | 353 |
| Chi phí lãi vay | 38 | 35 | 97 | 133 | 110 |
| LN khác | (18) | (8) | 4 | 27 | 9 |
| Lãi (lỗ) từ LD&LK | (0.3) | (0.4) | 0 | 1 | 1 |
| LN trước thuế | 803 | 1,280 | 2,323 | 1,145 | 1,377 |
| Thuế TNDN | 84 | 173 | 310 | 171 | 176 |
| LN sau thuế | 719 | 1,107 | 2,013 | 974 | 1,201 |
| LN ròng cho công ty mẹ | 719 | 1,099 | 1,975 | 919 | 1,134 |
| EBITDA | 896 | 1,485 | 2,712 | 1,646 | 1,885 |

Chỉ số tài chính

| Cuối T12 năm tài chính | 2020A | 2021A | 2022A | 2023A | 2024F |
|--|--------|--------|--------|--------|--------|
| Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh) | | | | | |
| EPS | 3,923 | 5,993 | 10,771 | 4,914 | 5,058 |
| BPS | 28,124 | 31,502 | 41,027 | 44,629 | 39,802 |
| DPS | 2,000 | 2,000 | 2,000 | 1,961 | 2,500 |
| Tăng trưởng (%) | | | | | |
| Doanh thu | (10.5) | 28.7 | 46.1 | (24.2) | 20.9 |
| LN hoạt động | (38.6) | 72.4 | 88.0 | (57.0) | 33.0 |
| LN ròng | (39.0) | 53.8 | 81.9 | (51.6) | 23.3 |
| EPS | (39.0) | 52.8 | 79.7 | (53.5) | 23.3 |
| EBITDA | (38.6) | 72.4 | 88.0 | (57.0) | 33.0 |
| Khả năng sinh lợi (%) | | | | | |
| Biên LN hoạt động | 9.9 | 13.2 | 17.0 | 9.7 | 10.6 |
| Biên LN ròng | 10.2 | 12.2 | 15.2 | 9.7 | 9.9 |
| Biên EBITDA | 9.9 | 13.2 | 17.0 | 9.7 | 10.6 |
| ROA | 10.4 | 13.9 | 19.8 | 8.3 | 9.9 |
| ROE | 14.3 | 20.1 | 29.7 | 11.6 | 13.1 |
| Suất sinh lợi cổ tức | 4.9 | 3.2 | 2.9 | 2.6 | 3.5 |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | - | 13 | 16 | 51 | 33 |
| Đòn bẩy | | | | | |
| Nợ ròng (Tỷ đồng) | 1,134 | 1,696 | 1,835 | 2,026 | 1,001 |
| Nợ ròng/ VCSH (%) | 22 | 29 | 24 | 24 | 11 |
| Định giá (x) | | | | | |
| PE | 6.4 | 6.4 | 11.1 | 14.3 | 13.4 |
| PB | 1.2 | 1.2 | 1.3 | 1.7 | 1.8 |
| EV/EBITDA | 10.5 | 10.0 | 5.8 | 14.6 | 13.0 |

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- KIS Vietnam Securities Corp. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, KIS Vietnam Securities Corp. và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc cá bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 8/08/2024.

KIS Vietnam Securities Corp. đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 8/08/2024.

Prepared by: Phòng phân tích

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2024 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..